

CÔNG TY CỔ PHẦN 30DAY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN 30DAY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 30DAY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: 30DAY JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109683611

3. Ngày thành lập: 25/06/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 14b ngách 25/14 phố Pháo Đài Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936.461.766

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng)	4662
2.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
4.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
5.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
6.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
7.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
8.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
9.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
10.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
11.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
12.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
13.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

14.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
15.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
16.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
17.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)	4789
18.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
19.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (loại trừ hoạt động đấu giá)	4799
20.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
21.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
22.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
23.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
24.	Bốc xếp hàng hóa	5224
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
27.	Bưu chính	5310
28.	Chuyển phát	5320
29.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
30.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
31.	Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm)	5820
32.	Hoạt động viễn thông khác	6190
33.	Lập trình máy vi tính	6201
34.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
35.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
36.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
37.	Cổng thông tin (Loại trừ Hoạt động báo chí)	6312(Chính)

38.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các hoạt động dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu như: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Các dịch vụ cắt xén thông tin v.v...	6399
39.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Loại trừ các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm thẻ tín dụng; Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp, Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng)	6619
40.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (Loại trừ Môi giới bảo hiểm)	6622
41.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật, chứng khoán, kiểm toán)	7020
42.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát thi công xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; - Thiết kế xây dựng công trình; - Tư vấn quản lý dự án xây dựng; - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110
43.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
44.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
45.	Quảng cáo	7310
46.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
47.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
48.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ : Hoạt động của những nhà báo độc lập; Hoạt động thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Hoạt động tư vấn chứng khoán)	7490
49.	Cho thuê xe có động cơ	7710
50.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
51.	Đại lý du lịch	7911

52.	Điều hành tua du lịch	7912
53.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
54.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn Chi tiết: - Giám sát hoặc giám sát từ xa của hệ thống báo động an toàn điện tử, như báo trộm hoặc báo cháy, bao gồm cả việc bảo dưỡng;- Lắp đặt, sửa chữa, làm lại và điều chỉnh thiết bị cơ khí hoặc điện tử, bộ phận khóa điện, két an toàn.	8020
55.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
56.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
57.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
58.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
59.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
60.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
61.	Dịch vụ đóng gói	8292
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
63.	Đào tạo sơ cấp	8531
64.	Đào tạo trung cấp	8532
65.	Đào tạo cao đẳng	8533
66.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
67.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
68.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559

69.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Việc cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. - Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	8560
70.	Hoạt động của các cơ sở thể thao (doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	9311
71.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
72.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
73.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
74.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
75.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
76.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ dịch vụ nhà nước cấm)	9639
77.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
78.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
79.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
80.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
81.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
82.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
83.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
84.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
85.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
86.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
87.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
88.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
89.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
90.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
91.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
92.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
93.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
94.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

95.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đấu giá)	4511
96.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
97.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đấu giá)	4513
98.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
99.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đấu giá)	4530
100.	Bán mô tô, xe máy (loại trừ hoạt động đấu giá)	4541
101.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
102.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (loại trừ hoạt động đấu giá)	4543
103.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
104.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
105.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
106.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
107.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
108.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TUẤN VIỆT	Số 41 Phố Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	0010900154 30	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		
2	NGÔ VIỆT BẮC	Số 14b ngách 25/14 phố Pháo Đài Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	700.000	7.000.000.000	70,000	0010870010 17	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	700.000	7.000.000.000	70,000		

3	LƯƠNG THỊ VÂN LI	Số 63 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	0311750052 09
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ VIỆT BẮC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/08/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001087001017

Ngày cấp: 25/03/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 14b ngách 25/14 phố Pháo Đài Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 14b ngách 25/14 phố Pháo Đài Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội